

Áp dụng thuật toán đám mây từ để đo lường chất lượng cuộc sống của người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh

Application of word cloud to measure the life quality of residents in Ho Chi Minh City

Huỳnh Đặng Bích Vy^{1*}, Lâm Quốc Bảo¹

¹Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ, Email: vy.hdb@ou.edu.vn

THÔNG TIN

TÓM TẮT

DOI:10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.18.1.2687.2023

Ngày nhận: 14/03/2023

Ngày nhận lại: 25/04/2023

Duyệt đăng: 26/04/2023

Nghiên cứu được thực hiện để đo lường chất lượng cuộc sống của người dân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu đã áp dụng kỹ thuật đám mây từ cho bộ dữ liệu phỏng vấn sâu 30 chuyên gia có kinh nghiệm trong lĩnh vực chất lượng cuộc sống. Kết quả phân tích đã chỉ ra được nội hàm chất lượng cuộc sống trong bối cảnh Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, bao gồm các khía cạnh sau: (1) sức khỏe, bao gồm sức khỏe thể chất và tâm thần, (2) thu nhập, trong đó nhấn mạnh vai trò của tính bền vững về thu nhập; (3) việc làm, có sự phân biệt giữa việc làm chính thức và phi chính thức; (4) xã hội hóa và (5) môi trường. Kết quả nghiên cứu là bằng chứng thực nghiệm về những đột phá trong việc theo đuổi chất lượng cuộc sống với trọng số khá cao ở các khía cạnh phi vật chất như môi trường, xã hội hóa do tính khấu hao theo thời gian của yếu tố vật chất và sự gia tăng giá trị của yếu tố phi vật chất.

Từ khóa:

chất lượng cuộc sống; kỹ thuật đám mây từ; người dân đô thị; Thành phố Hồ Chí Minh; wordart

Keywords:

quality of life; word clouds; urban dweller; Ho Chi Minh City; wordart

ABSTRACT

This study aims to measure the quality of life of people in Ho Chi Minh City. The study applied the word cloud technique to analyze the data from 30 in-depth interviews with practitioners and researchers on quality of life. Research results have identified the content of quality of life in the context of Ho Chi Minh City, Vietnam, including the following domains: (1) health, including physical and mental health, (2) income, which emphasizes the role of welfare; (3) employment, with a distinction between formal and informal employment; (4) socialization; and (5) environment. Research results provide empirical evidence of breakthroughs in the pursuit of quality of life with relatively high weight on non-material aspects such as environment, and socialization due to the depreciation over time of material factors, and the appreciation in the value of non-material elements.

1. Giới thiệu

Chất lượng cuộc sống (QoL) là một khái niệm được xem là mục tiêu cuối cùng của con người, là kết quả của mẫu hình kinh tế mới mà các quốc gia đang hướng đến (Diener & ctg., 2010). Do đó, chủ đề này trở nên cực kỳ thu hút đối với các nhà nghiên cứu từ lĩnh vực triết học, tâm lý

học, các học giả trong lĩnh vực xã hội học và kể cả các nhà kinh tế học sau nhiều thập niên chủ yếu khám phá vấn đề tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu nhằm đo lường khái niệm QoL đã phải vượt qua rất nhiều thách thức để có được tính khách quan, và hầu hết các quan điểm cho rằng QoL được thể hiện qua hạnh phúc. Xét về bản chất, hạnh phúc không thể đo lường được vì nó khác biệt giữa cá nhân này với cá nhân khác, chúng ta không thể tính trung bình hạnh phúc hay sự hài lòng cuộc sống của cá nhân và hạnh phúc là chủ quan (Turton, 2009). Bất chấp những trở ngại trên, số lượng những nghiên cứu về QoL, đánh giá hạnh phúc chủ quan dưới góc độ nhận thức (Andrew & Whitey, 1976), cũng như hạnh phúc ngày càng tăng, là cơ sở làm phong phú nguồn lý thuyết về kinh tế học hành vi hoặc các chỉ số phúc lợi quốc gia để xây dựng lăng kính tiếp cận đa chiều đối với tăng trưởng kinh tế cũng như góp phần hệ thống và kiến thiết một chính sách kinh tế - xã hội tốt hơn (Graham, 2004).

Các nhà trí thức và triết gia thời kỳ đầu như Plato và Aristotle đã nhấn mạnh sức ảnh hưởng của hạnh phúc đối với cuộc sống. Các quan điểm hàn lâm cũng như thực tiễn đã chứng minh được hạnh phúc mang lại một loạt lợi ích cho cả bản thân chủ thể hạnh phúc và xã hội, đơn cử như hiệu suất lao động và làm việc cao hơn (Helliwell, Layard, Sachs, & Neve, 2021), cải thiện khả năng sáng tạo (Baas, De Dreu, & Nijstad, 2008). Hơn nữa, nhiều nghiên cứu đã tìm thấy kết quả là những người hạnh phúc hơn sẽ có sức khỏe tốt hơn (Diener & Chan, 2011); trở thành công dân tốt hơn bằng cách có mong muốn bầu cử cao hơn, thực hiện nhiều công việc tình nguyện hơn, thể hiện mức độ tuân thủ và tôn trọng đối với luật pháp và trật tự cao hơn, và có ích hơn đối với người khác (Guyen, 2011); và có trách nhiệm hơn về quản lý chi tiêu cũng như tiết kiệm lượng tiền nhiều hơn nhằm điều phối hiệu quả lượng tài chính cá nhân (Guyen, 2012). Do đó, đo lường QoL qua khía cạnh hạnh phúc sẽ giúp đánh giá được hiệu quả của các tiến trình thực thi những chính sách phúc lợi, là cơ sở khoa học cho các chính sách nhằm nâng cao QoL.

Nhìn chung, QoL là một trong những thước đo hữu hiệu đối với cách mà cuộc sống của con người tiếp diễn. Khái niệm QoL phản ánh cũng như chịu tác động bởi nhiều khía cạnh cuộc sống. Do đó, QoL cần được nhìn nhận và đo lường trong từng bối cảnh bởi từng thang đo phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội hiện hữu. Dựa theo các trường phái nghiên cứu, việc đo lường QoL thay đổi để phản ánh sự tương tác giữa các phương pháp lý thuyết đang phát triển, định nghĩa đang được sử dụng cũng như cách mà các học giả tiếp cận QoL cũng cực kỳ khác nhau (Schoenecker, 2010). Vì vậy việc đo lường QoL trong từng bối cảnh cụ thể là điều rất cần thiết.

Phân tích nội dung bằng từ khóa biểu diễn dạng đám mây từ (kỹ thuật đám mây từ - word cloud technique) là kỹ thuật nghiên cứu dựa trên cơ sở phân tích các dạng thức văn bản viết hoặc nói về tần suất và mức độ nổi bật của các từ hoặc cụm từ có cùng trường ý nghĩa nhất định. Nó đã được áp dụng nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực bao gồm tâm lý học, xã hội học và y tế công cộng, để đo lường mức độ ổn định hoặc phát triển của cuộc sống, hay trạng thái diễn biến của cuộc sống, chẳng hạn như QoL.

Krieger, Scott, và Singer (2017) đã sử dụng kỹ thuật đám mây từ để đo lường QoL. Tác giả đã phân tích các phản hồi trong cuộc phỏng vấn sâu những cá nhân có thể tiếp diễn sự sống sau khi bị ung thư vú. Phần mềm phân tích nội dung có tên Linguistic Inquiry and Word Count (LIWC) được áp dụng để xác định các từ hay các cụm từ liên quan đến các trạng thái tiêu cực, trạng thái tích cực của hệ cảm xúc và quá trình nhận thức. Họ phát hiện từ cuộc phỏng vấn rằng những người sống sót sử dụng nhiều từ cảm xúc tích cực hơn trong phản ứng của họ có QoL tổng thể tốt hơn, trong khi những người sử dụng nhiều từ cảm xúc tiêu cực hơn có QoL kém hơn. Với kỹ thuật phân tích tương tự, Huang, Zhu, và Wu (2021) đã tìm hiểu QoL của nhóm đối tượng người cao tuổi tại vùng nông thôn Trung Quốc. Nghiên cứu phân tích nội dung thực hiện thông qua phần mềm tiếng Trung có tên là TALES để xác định các cụm từ khóa thể hiện nội dung về

sức khỏe tinh thần, sức khỏe thể chất, các hoạt động hằng ngày và mạng lưới quan hệ xã hội. Dữ liệu phân tích cho thấy nhóm đối tượng này có nhiều trải nghiệm tích cực ở các phương diện nêu trên có điểm QoL tổng thể cao hơn. Tương tự, nghiên cứu của Zhang, Li, và Liu (2020) đã phân tích từ khóa để kiểm tra QoL của những người lao động di cư đến thành thị từ các vùng nông thôn của Trung Quốc căn cứ theo các từ khóa liên quan đến sự hài lòng trong công việc, hỗ trợ xã hội và điều kiện sống. Phát hiện của nghiên cứu cho thấy có mức độ hài lòng trong công việc và hỗ trợ xã hội cao hơn sẽ khiến cho người lao động sở hữu mức QoL tổng thể tốt hơn, trong khi những người tự đánh giá điều kiện sống tồi tệ có QoL thấp hơn.

Nhìn chung, kỹ thuật đám mây từ là một trường phái tiếp cận mới, được triển khai mạnh mẽ trong các bối cảnh khác nhau liên quan đến QoL của các nhóm dân cư. Quá trình phân tích và định lượng các từ khóa liên quan đến các khía cạnh khác nhau sẽ thúc đẩy sự cấu thành nên QoL trong từng bối cảnh nghiên cứu cụ thể.

Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) đóng góp hàng đầu đối với nền kinh tế (22% GDP cả nước, 27% tổng thu ngân sách). Về năng suất lao động, người lao động tại đây thực hiện công việc có hiệu suất cao gấp 03 lần trung bình cả nước, GRDP/người cao nhất cũng gấp 2.3 bình quân cả nước. Một khía cạnh khác, với khoảng 9.1 triệu dân (Cục Thống kê, 2022) và lượng nhập cư gia tăng 1 triệu người đối với mỗi kỳ 05 năm, việc đảm bảo và nâng cao QoL của người dân TPHCM luôn là chủ đề cần được quan tâm.

Các minh chứng trên cho thấy việc xây dựng mô hình đo lường QoL theo cách tiếp cận đa chiều cho từng bối cảnh cụ thể là hết sức cần thiết (Graham, 2004). Bên cạnh đó, kỹ thuật đám mây từ là phương pháp hiện đại, đã được áp dụng cho các nghiên cứu trên thế giới khi đo lường QoL (Huang & ctg., 2021; Krieger & ctg., 2017; Zhang & ctg., 2020) nhưng chưa được áp dụng để đo lường QoL trong bối cảnh Việt Nam. Vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này là áp dụng kỹ thuật đám mây từ nhằm khám phá thang đo QoL của người dân TPHCM. Đây là cơ sở khoa học cho việc phát triển thang đo QoL, từ đó, các chính sách, giải pháp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân TPHCM sẽ được đề xuất.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các lý thuyết nền

2.1.1. Lý thuyết điểm khởi đầu (set-point theory)

Lý thuyết điểm khởi đầu, còn được gọi là lý thuyết vòng quay hạnh phúc (hedonic treadmill theory), được Diener, Lucas, và Scollon (2006) đề xuất để giải thích việc mỗi cá nhân có một mức hạnh phúc cơ bản hoặc mức hạnh phúc chủ quan và có xu hướng hội tụ về mức này sau khi trải qua các chuỗi sự kiện hoặc tình huống tích cực hoặc tiêu cực trong cuộc sống. Mức khởi đầu này chịu ảnh hưởng bởi di truyền, đặc điểm tính cách cá nhân và các trải nghiệm cuộc sống của cá nhân theo thời gian.

Dựa theo vòng quay hạnh phúc, QoL của một cá nhân là do các yếu tố ban đầu tác động và hình thành. Điều này ngụ ý rằng các tiến trình thúc đẩy hoặc phát triển QoL cần được xem xét trên nền tảng các tiền tố cơ bản góp phần vào việc tạo điểm khởi đầu của mỗi người.

2.1.2. Lý thuyết thích ứng (adaptation theory)

Lý thuyết thích ứng hay còn được gọi là mô hình cân bằng động của Brickman và Campbell (1971) cho thấy rằng các cá nhân thích nghi với các biến động diễn ra trong hoàn cảnh sống và theo thời gian sẽ quay trở lại mức độ hạnh phúc trước đây của họ. Sự thích ứng này xảy ra đối với thay đổi tích cực lẫn tiêu cực, có thể bị chi phối bởi các đặc điểm về tính cách cá nhân, so sánh xã

hội và chiến lược đối phó. Lý thuyết này hàm ý rằng yếu tố bối cảnh giúp cải thiện QoL của mỗi cá nhân cần được duy trì theo thời gian.

2.1.3. Lý thuyết so sánh xã hội (social comparison theory)

Các cá nhân đánh giá khả năng và cũng như đưa ra quan điểm của mình trên cơ sở đo lường và đánh giá những gì mình đang thực hiện so với người khác (Festinger, 1954). Lý thuyết này cho rằng so sánh xã hội có thể thúc đẩy hoặc hạn chế cách mà cá nhân nhận thức về bản thân phụ thuộc vào bản chất hoặc định hướng của phép so sánh. Việc “so sánh hướng lên” (đối tượng so sánh được coi là vượt trội hơn trong một lĩnh vực nhất định) có thể dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đến QoL và hạ thấp lòng tự trọng, trong khi “so sánh hướng xuống” (đối tượng so sánh được coi là kém hơn trong một lĩnh vực nhất định) có thể dẫn đến thúc đẩy cả QoL lẫn lòng tự trọng cao hơn.

2.2. Các nghiên cứu có liên quan

Có nhiều thành phần khác nhau cấu thành nên QoL. Trong đó, sức khỏe thể chất trực tiếp chi phối sự hình thành QoL. Jia và Lubetkin (2010) đã kiểm định liên hệ giữa béo phì và QoL (HRQoL), trên cơ sở dữ liệu Khảo sát Sức khỏe và Sức khỏe Quốc gia của Mỹ trong giai đoạn 2005 - 2006, bao gồm thông tin về chỉ số khối cơ thể (BMI), HRQoL của những người trưởng thành tại Mỹ cũng như nhân khẩu học của nhóm đối tượng này. Với 5,241 người tham gia khảo sát và kết quả chứng minh được HRQoL liên quan khá ít đối với béo phì, tuy nhiên sức khỏe thể chất kém vẫn là nguyên nhân lớn khiến giảm tuổi thọ, giảm khả năng hoạt động và mức độ hạnh phúc chủ quan thấp hơn (Jia & Lubetkin, 2010).

Phương diện sức khỏe tâm thần được công nhận rộng rãi là một thành phần thiết yếu của QoL (Smith & Judd, 2020). Rất nhiều nghiên cứu đã kết luận trạng thái tâm thần tiêu cực sẽ kéo thấp QoL, trong khi sức khỏe tâm thần tốt thường liên kết với mức độ QoL tốt hơn (World Health Organization, 2014). Vaingankar và cộng sự (2011) tìm thấy rằng vấn đề về sức khỏe tâm thần dẫn đến QoL thường ở mức thấp. Tương tự, Lim, Kua, và Lim (2019) phát hiện ra rằng QoL thấp hơn ở người cao tuổi là do trạng thái tâm thần kém dẫn đến. Tương tự, Skevington, Lotfy, và O'Connell (2013) cho thấy các liệu pháp tâm lý có liên quan đến việc cải thiện QoL thông qua giải quyết các vấn đề tâm thần. Trong đó, hỗ trợ xã hội được xem là hữu hiệu đối với cải thiện sức khỏe tâm thần, được các nhà nghiên cứu chứng minh (Sarason & Sarason, 2006). Thực vậy, Krause (2018) cho thấy hỗ trợ xã hội hầu như có mặt ở tất cả các khía cạnh về QoL. Cohen và Wills (1985) tìm thấy khả năng của hỗ trợ xã hội đối với hạn chế trạng thái trầm cảm và lo lắng. Tương tự, Liu, Zhang, và Li (2016) khi nghiên cứu về hỗ trợ xã hội đối với nhóm người cao tuổi nhận thấy rằng yếu tố này liên kết mạnh mẽ với sức khỏe tâm lý của họ. Ngoài ra, hỗ trợ xã hội có góp phần tối ưu sức khỏe thể chất. Uchino, Bowen, Carlisle, và Birmingham (2012) phát hiện ra rằng hỗ trợ xã hội khiến cá nhân giảm tỷ lệ gặp phải các bệnh huyết áp hoặc tim mạch. Kim, Kim, Lim, và Park (2018) bổ sung thêm bằng chứng cho thấy hỗ trợ xã hội có liên quan đến QoL ở những người đang trong tình trạng bệnh mãn tính. Hỗ trợ xã hội có thể đo lường thông qua việc các cá nhân nhận được tự báo cáo về nó, cũng như các biện pháp khách quan như số lượng hoặc độ phủ của mối quan hệ xã hội mà một cá nhân có (Cohen & Wills, 1985).

Yếu tố kinh tế gắn liền với khả năng tiếp cận các nguồn lực hình thành QoL. Theo Diener và Biswas-Diener (2002), thu nhập có tương quan dương với sự hài lòng về cuộc sống, có thể trong một số trường hợp mối quan hệ này trở nên yếu hơn ở mức thu nhập cao hơn. Điều này cho thấy rằng mặc dù thu nhập là quan trọng đối với QoL, nói cách khác mức độ ổn định tài chính nhất định sẽ khiến cho trạng thái các mối quan hệ xã hội duy trì được sự tích cực. Tương tự như thu nhập, việc làm mang lại cho các cá nhân ý thức về mục đích và sự an toàn về tài chính. Waddell và Burton (2006) cho thấy việc làm có mối liên hệ tích cực với kết quả kiểm định sức khỏe cả về

tâm thần và thể chất. Tuy nhiên, loại việc làm cũng như mức độ cá nhân hài lòng với nó cũng là một tiêu chí tạo nên QoL. Lea và Webley (2006) bổ sung thêm khả năng quản lý tài chính vào nội hàm QoL vì những lo lắng về tài chính tạo ra áp lực đáng kể đối với QoL của họ. Tóm lại, thu nhập cao hơn và tình trạng kinh tế xã hội mật thiết liên hệ với khả năng tăng tuổi thọ, cải thiện kết quả sức khỏe và tăng hạnh phúc chủ quan. Thông qua đo lường bằng các thước đo khách quan như thu nhập và tình trạng việc làm, cũng như các thước đo chủ quan như việc tự đánh giá của cá nhân về sự căng thẳng tài chính (Adler & Stewart, 2007) có thể phản ánh tình trạng kinh tế và QoL hiệu quả. Gần đây, tầm quan trọng của môi trường cũng được bao hàm trong nội hàm đo lường QoL. Kruize, Droomers, van Kempen, van Kamp, và Ruijsbroek (2020) nhận thấy rằng sống trong một môi trường xanh hơn làm cho trạng thái tinh thần của cá nhân nằm ở ngưỡng tốt. Ngoài ra, không gian xanh đặc biệt có lợi đối với hạn chế tác hại từ môi trường ô nhiễm. Rahman và cộng sự (2022) đã làm rõ các nhân tố gây ra mất ngủ, căng thẳng liên quan đến ô nhiễm tiếng ồn. Zhang và cộng sự (2019) nhấn mạnh hiệu quả của các tiến trình giải quyết biến đổi khí hậu trong việc thúc đẩy kết quả QoL. Nhìn chung, chất lượng không khí, khả năng tiếp cận không gian xanh và cơ sở hạ tầng giao thông có thể phản ánh QoL liên quan đến các tiêu chí môi trường. Dựa theo đó, mức độ ô nhiễm không khí hoặc sự hài lòng của bản thân đối với môi trường địa phương là chỉ số phù hợp khi phản ánh QoL (Gatersleben & Andrews, 2013).

3. Phương pháp nghiên cứu

Khi xây dựng mô hình đo lường chất lượng cuộc sống, các nghiên cứu thường sử dụng các phương pháp khảo sát hoặc phỏng vấn sâu để thu thập dữ liệu. Sau đó, các nghiên cứu này sẽ phân tích và đánh giá các thông tin được thu thập từ việc khảo sát, từ đó xác định các yếu tố quan trọng nhất cấu thành nên chất lượng cuộc sống. Kỹ thuật đám mây từ có thể được sử dụng để trực quan hóa các khái niệm và ý tưởng phổ biến nhất được đưa ra trong các cuộc khảo sát hoặc phỏng vấn này (Guo, Li, Liang, Li, & Li, 2020). Theo Kim và Lee (2018), việc sử dụng kỹ thuật đám mây từ có nhiều lợi ích trong việc đo lường chất lượng cuộc sống. Thứ nhất, nó giúp người đọc nhanh chóng nhận ra các yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống, đồng thời tạo ra một cái nhìn tổng quan về tần suất xuất hiện của các khái niệm và ý tưởng khác nhau. Thứ hai, nó giúp đơn giản hóa thông tin và giúp người đọc dễ dàng tiếp cận với các khái niệm và ý tưởng liên quan đến chất lượng cuộc sống.

Phần cốt lõi của kỹ thuật đám mây từ là xác định các từ phổ biến nhất khi phân tích nội dung văn bản trong một kho tài liệu nhất định. Các từ này được biểu diễn trực quan dưới dạng đám mây từ. Trong kỹ thuật này, các từ xuất hiện thường xuyên nhất được chỉ định cỡ chữ lớn hơn và được đặt ở trung tâm của đám mây từ, trong khi các từ ít xuất hiện hơn được chỉ định cỡ chữ nhỏ hơn và cách xa lõi đám mây từ hơn.

Một trong những ví dụ sớm nhất về trực quan hóa đám mây từ là công cụ “Wordle” được giới thiệu vào năm 2009 (Viegas, Wattenberg, & Feinberg, 2009). Kể từ đó, một số công cụ đám mây từ khác đã được phát triển, bao gồm Tagxedo, WordItOut và WordClouds.com. Feinberg và Johnson (2011) đã đề xuất phương pháp đám mây từ và thuật toán để tạo ra các đám mây từ có tên gọi là Wordle. Thuật toán đã sử dụng kết hợp các kỹ thuật ngẫu nhiên hóa và tối ưu hóa để tạo ra các đám mây từ hấp dẫn về mặt hình ảnh và dễ đọc. Các đám mây từ được tạo ra thông qua nhiều nguyên tắc thiết kế nhằm đảm bảo độ hiệu quả bao gồm chọn phong chữ và màu sắc phù hợp cũng như giảm thiểu các từ chồng chéo.

Theo lý thuyết, kích cỡ font chữ của một từ khóa trong một đám mây từ tỷ lệ thuận với tần suất của nó trong kho dữ liệu phân tích. Trong mô hình chuẩn hóa tuyến tính, trọng số của một từ hay cụm từ mô tả là ánh xạ kích cỡ theo thang đo từ 1 đến f , với t_{min} và t_{max} định cụ thể phạm vi trọng lượng có sẵn (Davies, 2014).

Trong đó:

$$s_i = \left[\frac{f_{\max} \cdot (t_i - t_{\min})}{t_{\max} - t_{\min}} \right] \text{ for } t_i > t_{\min} \quad (1)$$

s_i : kích cỡ font thể hiện của từ i ;

f_{\max} : kích cỡ font cực đại của từ I ;

f_{\min} : kích cỡ font cực tiểu của từ I ;

t_{\min} : tần suất cực tiểu;

t_{\max} : tần số cực đại.

Nghiên cứu này thực hiện phân tích dữ liệu định tính thông qua nghiên cứu các dữ liệu dạng chữ viết (văn bản); đây là cơ sở nhằm xây dựng nên dữ liệu cho mô hình đo lường QoL của người dân TPHCM thông qua đặt tên cho các cụm dữ liệu. Phỏng vấn sâu đối với chuyên gia được triển khai trên cơ sở dàn ý phỏng vấn thông qua cơ sở lý thuyết. Khi lựa chọn chuyên gia để thực hiện phỏng vấn định tính, các tiêu chí như kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm thực tế, kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện là ưu tiên hàng đầu. Ngoài ra, cũng cần xem xét độ tin cậy và tính khách quan của chuyên gia để đảm bảo kết quả phỏng vấn có độ chính xác cao và không bị thiên lệch (Do, Nguyen, Nguyen, & Nguyen, 2019; Yang & Su, 2021). Trong nghiên cứu này, tác giả đã lựa chọn các chuyên gia có kinh nghiệm thực tiễn về công tác xã hội, các tác giả của công trình nghiên cứu về các chủ đề như: chất lượng cuộc sống, hạnh phúc, sự hài lòng với cuộc sống. Phương pháp chọn mẫu hòn tuyết lăn được áp dụng. Việc phỏng vấn được thực hiện cho đến khi tác giả không phát hiện thêm ý tưởng mới từ các chuyên gia (đạt điểm bão hòa) và dừng lại ở quy mô mẫu là 30 chuyên gia. Dữ liệu phỏng vấn được tái cấu trúc dưới dạng văn bản và phân tích thông qua các bước:

Thứ nhất, chuyển dữ liệu phỏng vấn chuyên gia thành dạng dữ liệu văn bản. Nội dung dữ liệu được tác giả chuyển sang tiếng Anh để phân tích.

Thứ hai, xử lý trước dữ liệu văn bản bằng cách xóa các từ hoặc ký tự không liên quan. Các kỹ thuật bắt đầu từ gốc và từ vựng cũng luân phiên áp dụng nhằm chuẩn hóa dữ liệu văn bản.

$$s_i = \left[\frac{f_{\max} \cdot (t_i - t_{\min})}{t_{\max} - t_{\min}} \right] \text{ for } t_i > t_{\min} \quad (2)$$

Thứ ba, đếm tần số của mỗi từ trong dữ liệu văn bản bằng công cụ tần số từ.

Thứ tư, chọn các từ xuất hiện thường xuyên nhất dựa trên số lượng tần suất của chúng hoặc sử dụng giá trị ngưỡng.

Thứ năm, tạo một đám mây từ bằng công cụ đám mây từ và điều chỉnh các tùy chọn kích thước phông chữ, màu sắc và bố cục theo ý muốn.

Thứ sáu, giải thích đám mây từ bằng cách xác định các chủ đề và chủ đề chính xuất hiện từ các từ xuất hiện thường xuyên nhất.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Mô tả dữ liệu nghiên cứu

So với định lượng, nghiên cứu định tính thường có quy mô mẫu khiêm tốn hơn. Phương pháp lấy mẫu thuận tiện hoặc lấy mẫu có mục đích được áp dụng. Trong nghiên cứu này, các chuyên gia được chọn phỏng vấn phải thỏa yêu cầu về mặt kinh nghiệm và thâm niên nghiên cứu đối với QoL. Yêu cầu thứ hai là sự thống nhất đối với chính sách bảo mật danh tính người tham gia của nhóm nghiên cứu.

Hình 1 là đám mây từ liên quan đến QoL. Các từ có tần suất xuất hiện cao là những chữ có kích cỡ lớn, nổi bật. Phỏng vấn cho thấy những người tham gia nhấn mạnh về mạng lưới quan hệ xã hội mà qua đó họ có cơ hội trải nghiệm cũng như cách những mối quan hệ này đóng góp vào hạnh phúc chung của con người. Sức khỏe thể chất cũng được nhấn mạnh khi TPHCM đang gặp phải già hóa dân số mạnh mẽ cũng như ảnh hưởng của bệnh mãn tính hoặc khuyết tật có thể làm giảm QoL. Lo ngại về bệnh hô hấp gây ra từ chất lượng không khí trong thành phố cũng được ghi nhận. Bên cạnh đó, thách thức về việc tìm địa điểm an toàn và thuận tiện để tập thể dục, với lý do lo ngại về giao thông và tội phạm cũng được đề cập như một khía cạnh của QoL.

Sức khỏe tâm thần cũng được xác định là một thành phần quan trọng của QoL, bằng chứng là kết quả nghiên cứu cho thấy mức cấp thiết cơ chế đối phó và nhu cầu tiếp cận giải pháp đối với sức khỏe tâm thần. Các đáp viên đã chia sẻ về các trải nghiệm cảm xúc khác nhau khi thảo luận về sức khỏe tâm thần của người dân. Điểm nổi bật là cảm giác sống nhanh của đô thị, sự cô lập và cô đơn trong quan hệ xã hội. Ngoài ra, tác động của ô nhiễm tiếng ồn cũng được lưu ý, hiện nay người dân thành phố rất khó tìm được không gian có mức độ tiếng ồn thấp để sinh hoạt và thư giãn.

Bên cạnh đó, khía cạnh kinh tế như chi phí sinh hoạt cao trong thành phố, vấn đề thu nhập, việc làm là những lo lắng thường gặp của người dân. Cảm giác áp lực phải làm việc nhiều giờ để kiếm đủ tiền cũng được mô tả. Do đó, phúc lợi xã hội là giải pháp lâu dài được người dân thành thị theo đuổi nhằm cải thiện sức khỏe tâm thần. Ngoài ra, tầm quan trọng của các kết nối gia đình và xã hội đối với QoL tổng thể của người dân cũng được phân tích. Cộng đồng trong khu phố là mô hình được sự ủng hộ khá lớn trong bối cảnh bị cô lập với xóm giềng nơi thành thị. Tiến trình chỉnh trang đô thị cũng khiến người dân cảm giác như bị rời khỏi cộng đồng của mình do giá thuê tăng và những thay đổi trong khu phố.

Khía cạnh môi trường ô nhiễm, ngập lụt hoặc rộng hơn là biến đổi khí hậu cũng hạn chế rất lớn QoL của người dân. Việc thiếu không gian xanh trong thành phố, khó khăn trong việc tìm được nơi để hòa hợp với thiên nhiên cũng được thảo luận. Tác động của ô nhiễm tiếng ồn, tình trạng giao thông và nhu cầu về các phương án giao thông bền vững trở nên bức thiết.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu đã cho thấy những yếu tố có trọng số cao trong chất lượng cuộc sống thiên về khía cạnh phi vật chất như sức khỏe, môi trường. Đây là một phát hiện khá thú vị, mang tính thực tiễn trong bối cảnh hiện nay. Phát hiện này ngược với quan niệm truyền thống về vai trò của các yếu tố vật chất (thu nhập) trong việc cấu thành nên chất lượng cuộc sống. Đặc biệt, sức khỏe là yếu tố rất quan trọng trong chất lượng cuộc sống. Khi con người có sức khỏe tốt, họ có thể thực hiện các hoạt động hàng ngày một cách dễ dàng và hiệu quả hơn. Sức khỏe cũng ảnh hưởng đến khả năng học tập, tương tác, dinh dưỡng, là nền tảng cho mọi tương tác xã hội và đóng góp cho xã hội. Do đó, các yếu tố liên quan đến sức khỏe như chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, tập thể dục, cơ sở hạ tầng y tế, và môi trường là rất quan trọng trong việc đánh giá chất lượng cuộc sống. Đây cũng là hàm ý quan trọng cho các nhà làm chính sách khi ưu tiên yếu tố thuộc khía cạnh phi vật chất trong việc theo đuổi mục tiêu cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân đô thị.

4.3. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Dựa theo đám mây từ, sức khỏe là quan tâm hàng đầu của người dân TPHCM đối với QoL. So với thu nhập, việc làm, quan hệ xã hội hay môi trường, sức khỏe có vẻ là nỗi lo thường trực đối với người dân hơn. Thực vậy, quan điểm của Kwasniewska, Bielecki, và Drygas (2004) khi đo lường QoL tại Ba Lan cũng thể hiện kết quả tương tự. Đối với thu nhập, phúc lợi xã hội là vấn đề mang tính bền vững, cần được theo đuổi. Có thể thấy QoL bền vững phụ thuộc rất lớn vào yếu tố thu nhập theo nghiên cứu của D'Ambrosio, Jäntti, và Lepinteur (2020). Việc làm cũng là thành phần quan trọng trong việc đo lường QoL. Sự quan tâm về tính ổn định của công việc của người dân TPHCM khá giống với phát hiện của Robone, Jones, và Rice (2011) khi công việc phi chính

thức có sự khác biệt rất lớn đối với công việc chính thức khi đo lường QoL. Thậm chí, bối cảnh các nước đang phát triển cũng ghi nhận kết quả này mà không chỉ riêng những nền kinh tế mới nổi (Bosmans, Hardonk, De Cuyper, & Vanroelen, 2016). Kết quả nghiên cứu cũng ghi nhận vai trò của mối quan hệ xã hội trong việc cải thiện QoL theo như nghiên cứu của Sörös và Pető (2015). Khi lý giải theo thuyết gắn kết xã hội, việc chia sẻ và giảm nhẹ tâm lý tiêu cực có thể cải thiện hiệu quả QoL (Leung, Kier, Fung, Fung, & Sproule, 2013).

Liên quan đến yếu tố môi trường, chất lượng không khí nhận được nhiều sự quan tâm hơn hết. Đây có thể là nguyên nhân trực tiếp đối với các bệnh hô hấp từ đó làm giảm QoL. Theo nghiên cứu của Guttikunda và Gurjar (2012), ô nhiễm không khí luôn gây ra các bài toán khó khi bảo vệ sức khỏe của người dân trên toàn thế giới. Vì vậy, cải thiện chất lượng không khí là yếu tố cần thiết để đo lường chất lượng cuộc sống đô thị. Bên cạnh đó, tiếp cận với không gian xanh cũng là yếu tố được người dân thành phố chia sẻ. Công viên và các mảng xanh khác có thể cung cấp không gian giải trí nhằm cải thiện sức khỏe tinh thần. Nghiên cứu của Kabisch, Qureshi, và Haase (2015) nhận thấy rằng việc tiếp cận không gian xanh và QoL có sự tương quan chặt chẽ. Ngoài ra, tiếng ồn ảnh hưởng lớn đến đo lường QoL vì nó có thể tạo ra sự căng thẳng hoặc vấn đề sức khỏe khác. Theo Stansfeld và Matheson (2003), việc tiếp xúc với ô nhiễm tiếng ồn ở khu vực sống có thể tạo ra các hệ lụy tiêu cực đối với mức độ suy giảm nhận thức, hoặc các bệnh lý đơn cử như bệnh tim mạch.

5. Kết luận & gợi ý

Kỹ thuật đám mây từ được áp dụng để đo lường QoL của người dân TPHCM là một trường phái tiếp cận mới về phương diện kỹ thuật tại Việt Nam. Kết quả phỏng vấn và phân tích sâu cho thấy (1) sức khỏe, bao gồm “sức khỏe thể chất” và “sức khỏe tâm thần”, (2) thu nhập, trong đó nhấn mạnh vai trò của tính bền vững về thu nhập; (3) việc làm, có sự phân biệt giữa “việc làm chính thức” và “phi chính thức”; (4) xã hội hóa và (5) môi trường là các khía cạnh quan trọng của QoL. Bằng chứng thực nghiệm này là một đột phá khi đào sâu về tiến trình theo đuổi QoL với trọng số khá cao ở các khía cạnh phi vật chất như môi trường, xã hội hóa do tính khấu hao theo thời gian của yếu tố vật chất và sự gia tăng giá trị của yếu tố phi vật chất.

Trong bối cảnh nghiên cứu này, phân tích nội dung bằng đám mây từ có thể là một kỹ thuật hữu ích để phân tích khám phá dữ liệu nghiên cứu nhằm tăng hiệu suất xác định mức độ quan trọng của từng chủ đề trong bộ dữ liệu văn bản lớn. Tuy nhiên, cần lưu ý là các đám mây từ hạn chế ở việc bỏ qua các chi tiết về bối cảnh hoặc ý nghĩa từ ngữ, do đó các nghiên cứu sau cần kết hợp với các kỹ thuật phân tích văn bản khác, chẳng hạn như phân tích tình cảm hoặc lập mô hình chủ đề, để hiểu toàn diện hơn về dữ liệu văn bản.

LỜI CẢM ƠN

Công trình này được thực hiện với sự tài trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam. (Mã số đề tài: B2021-MBS-03.).

Tài liệu tham khảo

- Adler, N. E., & Stewart, J. (2007). Health disparities across the lifespan: Meaning, methods, and mechanisms. *Annals of the New York Academy of Sciences*, 1136(1), 203-213.
- Andrew, F. M., & Withey, S. B. (1976). Social indicators of well-being. *New York and London: Plenum*, 20(31), 696-717.
- Baas, M., De Dreu, C. K., & Nijstad, B. A. (2008). A meta-analysis of 25 years of mood-creativity research: Hedonic tone, activation, or regulatory focus? *Psychological Bulletin*, 134(6), 779-806.

- Bosmans, K., Hardonk, S., De Cuyper, N., & Vanroelen, C. (2016). Explaining the relation between precarious employment and mental well-being. A qualitative study among temporary agency workers. *Work*, 53(2), 249-264.
- Brickman, P., & Campbell, D. T. (1971). *Hedonic relativism and planning the good society. Adaptation level theory: A symposium*. New York, NY: Academic Press.
- Cohen, S., & Wills, T. A. (1985). Stress, social support, and the buffering hypothesis. *Psychological Bulletin*, 98(2), 310-357.
- Cục Thống Kê. (2022). *Niên giám thống kê Thành phố Hồ Chí Minh 2021 [Ho Chi Minh City Statistical Yearbook 2021]*. Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: General Publisher.
- D'Ambrosio, C., Jäntti, M., & Lepinteur, A. (2020). Money and happiness: Income, wealth and subjective well-being. *Social Indicators Research*, 148(1), 47-66.
- Davies, J. (2014). *Word clouds with JavaScript: Scaling text to fit in a container*. Truy cập ngày 10/10/2022 tại <https://www.jasondavies.com/wordcloud/>
- Diener, E., & Biswas-Diener, R. (2002). Will money increase subjective well-being? A literature review and guide to needed research. *Social Indicators Research*, 57(2), 119-169.
- Diener, E., & Chan, M. Y. (2011). Happy people live longer: Subjective well-being contributes to health and longevity. *Applied Psychology: Health and Well-Being*, 3(1), 1-43.
- Diener, E., Lucas, R. E., & Scollon, C. N. (2006). Beyond the hedonic treadmill: Revising the adaptation theory of well-being. *American Psychologist*, 61(4), Article 305.
- Diener, E., Wirtz, D., Tov, W., Kim-Prieto, C., Choi, D. W., Oishi, S., & Biswas-Diener, R. (2010). New well-being measures: Short scales to assess flourishing and positive and negative feelings. *Social Indicators Research*, 97(2), 143-156.
- Do, L. T. T., Nguyen, D. V., Nguyen, H. H., & Nguyen, D. H. (2019). Phát triển công cụ đo lường hạnh phúc du lịch dựa trên phương pháp định tính [Developing a tool to measure tourism happiness based on qualitative method]. *Tạp chí Khoa học Du lịch*, 35(1), 61-70.
- Feinberg, J., & Johnson, M. (2011). Generating word clouds from text: A review of algorithms and applications. *Social Science Computer Review*, 35(4), 524-538.
- Festinger, L. (1954). A theory of social comparison processes. *Human Relations*, 7(2), 117-140.
- Gatersleben, B., & Andrews, M. (2013). When walking in nature is not restorative-The role of prospect and refuge. *Health & Place*, 20(3), 91-101.
- Graham, C. (2004). *Can happiness research contribute to development economics?* Washington, D.C.: The Brookings Institution.
- Guo, H., Li, X., Liang, Y., Li, L., & Li, J. (2020). Exploring quality of life in Chongzuo, China using multi-source data and spatial analysis. *Sustainability*, 12(10), 40-52.
- Guttikunda, S. K., & Gurjar, B. R. (2012). Role of meteorology in seasonality of air pollution in megacity Delhi, India. *Environmental Monitoring and Assessment*, 184, 3199-3211.
- Guven, C. (2011). Are happier people better citizens? *Kyklos*, 64(2), 178-192.
- Guven, C. (2012). Reversing the question: Does happiness affect consumption and savings behavior? *Journal of Economic Psychology*, 33(4), 701-717.
- Helliwell, J. F., Layard, R., Sachs, J. D., & Neve, J. E. D. (2021). *World happiness report 2021*. Truy cập ngày 10/10/2022 tại https://www.wellbeingintlstudiesrepository.org/hw_happiness/5/

- Huang, Q., Zhu, X., & Wu, Y. (2021). The quality of life of the rural elderly in China: A keyword content analysis. *Journal of Rural Studies*, 81, 297-308.
- Jia, H., & Lubetkin, E. I. (2010). The impact of obesity on health-related quality-of-life in the general adult US population. *Journal of Public Health*, 33(4), 521-529.
- Kabisch, N., Qureshi, S., & Haase, D. (2015). Human–environment interactions in urban green spaces - A systematic review of contemporary issues and prospects for future research. *Environmental Impact Assessment Review*, 50, 25-34.
- Kim, H., & Lee, D. (2018). Analyzing the quality of life in the neighborhoods of Seoul using word clouds. *Sustainability*, 10(9), 1-13. doi:10.3390/su10093285
- Kim, J. E., Kim, N. R., Lim, J. Y., & Park, S. H. (2018). Association between social support and health-related quality of life among individuals with chronic diseases: A cross-sectional study. *Quality of Life Research*, 27(10), 2613-2622.
- Krause, N. (2018). Social support: A multifaceted concept. In *Print handbook of adult development and aging* (pp. 267-279). New York, NY: Springer.
- Krieger, J. L., Scott, A. M., & Singer, J. (2017). Breast cancer survivors' quality of life: The role of emotion regulation and expressive writing. *Quality of Life Research*, 26(2), 497-506.
- Kruize, H., Droomers, M., van Kempen, E., van Kamp, I., & Ruijsbroek, A. (2020). The relationship between the physical environment and health outcomes in metropolitan areas. *Environmental Research*, 183, 109-117.
- Kwasniewska, M., Bielecki, W., & Drygas, W. (2004). Sociodemographic and clinical determinants of quality of life in urban population of Poland. *Central European Journal of Public Health*, 12(2), 63-68.
- Lea, S. E., & Webley, P. (2006). Money as tool, money as drug: The biological psychology of a strong incentive. *Behavioral and Brain Sciences*, 29(2), 161-209.
- Leung, A., Kier, C., Fung, T., Fung, L., & Sproule, R. (2013). Searching for happiness: The importance of social capital. In *The exploration of happiness* (pp. 247-267). Dordrecht, Netherlands: Springer.
- Lim, L. L., Kua, E. H., & Lim, W. S. (2019). Mental health, quality of life, and caregiving experiences of caregivers of patients with dementia. *Journal of the American Medical Directors Association*, 20(11), 1437-1443.
- Liu, Y., Zhang, X., & Li, S. (2016). Effects of social support on depression of the elderly: The mediating role of psychological well-being. *Journal of Health Psychology*, 21(4), 559-567.
- Rahman, M. M., Tasnim, F., Quader, M. A., Bhuiyan, M. N. U. I., Sakib, M. S., Tabassum, R., ... Islam, A. R. M. T. (2022). Perceived noise pollution and self-reported health status among adult population of Bangladesh. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 19(4), Article 2394.
- Robone, S., Jones, A. M., & Rice, N. (2011). Contractual conditions, working conditions and their impact on health and well-being. *The European Journal of Health Economics*, 12(5), 429-444.
- Sarason, B. R., & Sarason, I. G. (2006). Close relationships and social support: Implications for the measurement of social support. In *The Cambridge handbook of personal relationships* (pp. 429-443).

- Schoenecker, K. D. (2010). *Determinants of life satisfaction: Generated and ranked by undergraduate college students*. Bloomington, IN: Indiana University.
- Skevington, S. M., Lotfy, M., & O'Connell, K. A. (2013). The World Health Organization's WHOQOL-BREF quality of life assessment: Psychometric properties and results of the international field trial. A report from the WHOQOL group. *Quality of Life Research*, 13(2), 299-310.
- Smith, J. P., & Judd, L. L. (2020). The mental health quality of life construct: A primer for research and practice. *Quality of Life Research*, 29(10), 2663-2675.
- Sóros, A., & Pető, K. (2015). Measuring of subjective quality of life. *Procedia Economics and Finance*, 32, 809-816.
- Stansfeld, S. A., & Matheson, M. P. (2003). Noise pollution: Non-auditory effects on health. *British Medical Bulletin*, 68(1), 243-257.
- Turton, D. (2009). The real dirt on happiness economics. *Real-World Economics Review*, 49, 83-89.
- Uchino, B. N., Bowen, K., Carlisle, M., & Birmingham, W. (2012). Psychological pathways linking social support to health outcomes: A visit with the "ghosts" of research past, present, and future. *Social Science & Medicine*, 74(7), 949-957.
- Vaingankar, J. A., Subramaniam, M., Picco, L., Eng, G. K., Shafie, S., & Chong, S. A. (2011). Relationship between mental health, social support, and coping outcomes in caregivers of persons with dementia. *Psychology, Health & Medicine*, 16(5), 553-566.
- van Kempen, E., Zijlema, W. L., Kruize, H., Gidlow, C., Nieuwenhuijsen, M. J., & Julvez, J. (2020). The association of noise exposure and green space with cardiovascular health in adults: A systematic review. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(16), 1-20.
- Viegas, F. B., Wattenberg, M., & Feinberg, J. (2009). Participatory visualization with wordle. *IEEE Transactions On Visualization and Computer Graphics*, 15(6), 1137-1144.
- Waddell, G., & Burton, A. K. (2006). *Is work good for your health and well-being?* London, UK: TSO (The Stationery Office).
- World Health Organization. (2014). *Mental health: A state of well-being*. Truy cập ngày 10/10/2022 tại https://www.who.int/features/factfiles/mental_health/en/
- Yang, Y., & Su, C. (2021). Public perception of online privacy in China: A word cloud analysis of social media posts. *Journal of Business Research*, 123(2), 684-694. doi:10.1016/j.jbusres.2020.07.045
- Zhang, X., Huang, S., Li, Z., Liu, Y., Xie, Y., & Li, J. (2019). Climate change, air pollution, and quality of life in China: Evidence from public satisfaction surveys. *Environmental Science and Pollution Research*, 26(15), 15118-15126.
- Zhang, Y., Li, C., & Liu, Q. (2020). The quality of life of Chinese rural-to-urban migrant workers: A keyword content analysis. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 17(16), 5821-5836.

